

Số: 69/QĐ-VKSHY

Hưng Yên, ngày 26 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai cắt giảm, tiết kiệm
5% dự toán chi thường xuyên năm 2024

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-VKSTC ngày 20/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-VKSHY ngày 26/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Viện KSND tỉnh Hưng Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024 của Viện KSND tỉnh Hưng Yên (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng VKSND tỉnh Hưng Yên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- VKSNDTC-C3 (báo cáo);
- Trang tin điện tử VKSND tỉnh Hưng Yên (để đăng tin);
- Lưu VT, KT.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Mai Văn Tuyên



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM 5% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 69/QĐ-VKSHT ngày 26/9/2024 của Viện trưởng VKSND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số dự toán cắt giảm, tiết kiệm được giao	Tổng số dự toán cắt giảm, tiết kiệm đã phân bổ	Đơn vị tính: Đồng		
				Viện KSND huyện Kim Động	Viện KSND huyện Khoái Châu	Viện KSND huyện Ân Thi
1	2	3	4=5+6...	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	315.400.000	315.400.000	20.000.000	23.000.000	22.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	315.400.000	315.400.000	20.000.000	23.000.000	22.000.000
I	Chi quản lý hành chính	315.400.000	315.400.000	20.000.000	23.000.000	22.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	315.400.000	315.400.000	20.000.000	23.000.000	22.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		-			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-			

